Người ký: BỘ CÔNG THƯƠNG
Tổ chức: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 28/08/2026 18:07:57

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6965 /BCT-ATMT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026*
V/v đề nghị thẩm định Hồ sơ dự án Nghị định thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ	

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng và hoàn chỉnh Hồ sơ dự án Nghị định thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Bộ Công Thương đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự án Nghị định thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025.

Hồ sơ đề nghị thẩm định (gửi kèm theo Văn bản này) gồm có:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Công Thương;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;
4. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;
5. Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn;
6. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý;
7. Các Dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

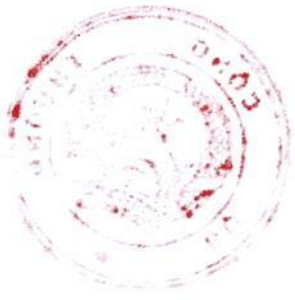
(Thông tin chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Mạnh Hà, Trưởng phòng Phòng An toàn điện và đập, e-mail:HaNM@moit.gov.vn; số điện thoại: 0912122035)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Các đơn vị: VPB; PC; ĐL;
- Lưu: VT, ATMT.

(Tài liệu mời quét mã QR)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Thanh Hoài



BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BCT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ)

Dự thảo

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2026, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 27-NĐ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ *"tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững"*. Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó, xác định quan điểm chỉ đạo *"Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, "đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam", tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "hai con số", nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước"*.

Trong bối cảnh tiếp tục đẩy mạnh cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản chỉ đạo về hoàn thiện thể chế;

đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị [1]

- Thực hiện quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội khóa XV đã ban hành nghị quyết số 190/2025/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 02 năm 2025.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (Nghị định số 146/2025/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025, trong đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện[2]. Do đó, một số nội dung của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để thể chế hóa phân cấp, phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Ngày ... tháng 10 năm 2026, Quốc hội Khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, trong đó bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về cắm mốc giới hành lang bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

Để đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thì việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực là rất cần thiết (Nghị định này sẽ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ).

2. Cơ sở thực tiễn

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị định 146/2025/NĐ-CP không quy định cụ thể thuộc thẩm quyền của tỉnh nào phê duyệt, dẫn đến những vướng mắc trong việc thực thi tại địa phương. Do đó, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần có những sửa đổi, bổ sung để làm rõ thẩm quyền phê duyệt của các địa phương.

- Ngoài ra, quá trình triển khai Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn như: quy định về hành lang bảo vệ an toàn đối với

---

[1] Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Kết luận số 121-KL/TW) đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: "Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng"; "đẩy mạnh phân cấp, phân quyền" và "Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển". Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 (Kết luận 126-KL/TW), kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

[2] Bộ Công Thương được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền 7 nhiệm vụ, quyền hạn tại Luật Điện lực và phân cấp 3 nhiệm vụ, quyền hạn (theo Điều 25 và Điều 26 của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP).

công trình điện lực; trách nhiệm chặt tỉa cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; quy định về xử lý sự cố, tai nạn điện; quy định về thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa lũ hằng năm...

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng ***Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực*** (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) là rất cần thiết để thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng, phù hợp, thống nhất giữa các quy định pháp luật, phù hợp với các nội dung đã được phân cấp và sửa đổi tại Luật số .... 2026/QH16 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Điện lực năm 2024 là rất cần thiết

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Việc xây dựng Dự thảo Nghị định nhằm tiếp tục cụ thể hóa, thực hiện đầy đủ các chủ trương, chỉ đạo của Đảng; bảo đảm phù hợp với Luật Điện lực năm 2024 và được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật số /2026/QH16, thống nhất với các văn bản khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời của hệ thống pháp luật.

- Sửa đổi một số điều giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết bám sát chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, minh bạch cho hoạt động về quy định hành lang bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, tháo gỡ các điểm nghẽn chính sách đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Đảm bảo thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả theo Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

- Đảm bảo thể chế hóa quy định của Đảng về lãnh đạo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương và cấp ủy các cấp trong công tác xây dựng pháp luật; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng pháp luật của Bộ Công Thương góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định số 178-QĐ/TW, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo sự phù hợp của Nghị định với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Cụ thể hóa các quy định của Luật...../2026/QH16 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại giao Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện; bảo đảm hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho hoạt động về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Chủ trương và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương theo quy định: Đã được Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 247/QĐ-BCT ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc ban hành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2026,

2. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định: Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 427/QĐ-BCT ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định.

3. Xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị định và họp Tổ soạn thảo phân công nhiệm vụ:

- Ngày 07/4/2026, Bộ Công Thương đã họp Tổ soạn thảo để lấy ý kiến đối vưới Dự thảo 0 của Nghị định.

- Ngày 13/7/2026, Bộ Công Thương đã tổ chức họp Tổ soạn thảo lần 2 để thông qua nội dung dự thảo Nghị định đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

- Ngày 20/7/2020, Bộ Công Thương đã lấy ý kiến bằng văn bản góp ý lần 3 của các Thành viên Tổ soạn thảo.

4. Lấy ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định và đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định lên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

- Ngày 28/4/2026, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 2939/BCT-ATMT lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND các tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định đã được đăng website xin ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

- Ngày 23/7/2026 Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 5781/BCT-ATMT lấy ý kiến lần 2 gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

5. Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định sau khi tiếp thu ý kiến.

6. Thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp.

7. Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định sau thẩm định.

8. Xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi ban hành Nghị định.

9. Trình ban hành Nghị định theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị định này giữ nguyên phạm vi điều chỉnh như đã quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Quy định chi tiết các điều khoản được giao tại Luật Điện lực gồm: Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 2 Điều 72; Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 6 Điều 76; khoản 5 Điều 77; khoản 8 Điều 78

- Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý an toàn công trình thủy điện tại Việt Nam.

2. Bố cục dự thảo Nghị định

Bố cục dự thảo nội dung Nghị định gồm: 40 Điều, 5 Chương và 05 Phụ lục (08 Biểu mẫu)

- **Chương I. Quy định chung:** gồm 02 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- **Chương II. Bảo vệ an toàn công trình điện**: gồm 09 Điều:

Điều 3. Quy định chung về bảo vệ công trình điện lực

Điều 4. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

Điều 5. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

Điều 6. Bảo vệ an toàn trạm điện

Điều 7. Bảo vệ an toàn nhà máy phát điện và công trình điện lực khác

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực và công trình khác

Điều 9. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

Điều 10. Sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

Điều 11. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

- **Chương III. An toàn điện,** gồm 06 Điều:

Điều 12. Quy định chung về an toàn điện

Điều 13. Biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện

Điều 14. Khắc phục sự cố điện, tai nạn điện

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng điện về bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị bán điện trong việc bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

Điều 17. Huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện

- **Chương IV. An toàn công trình thủy điện,** gồm 19 Điều:

Điều 18. Phân loại các công trình thủy điện

Điều 19. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Điều 20. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Điều 21. Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

Điều 22. Phương án bảo vệ đập

Điều 23. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

Điều 24. Phương án tích nước lần đầu

Điều 25. Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Điều 26. Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện

Điều 27. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Điều 28. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Điều 29. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị

Điều 30. Kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Điều 31. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ

Điều 32. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

Điều 33. Nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Điều 34. Trách nhiệm kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Điều 35. Nội dung yêu cầu về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện

Điều 36. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

- **Chương V. Tổ chức thực hiện,** gồm 04 Điều:

Điều 37. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Điều 40. Tổ chức thực hiện

- Phụ lục quy định các biểu mẫu báo cáo và Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh các Thủ tục hành chính của lĩnh vực bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

3. Nội dung cơ bản

- Nội dung Dự thảo Nghị định được kế thừa hầu hết các quy định tại Nghị định 62/2025/NĐ-CP liên quan đến các điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết về hành lang bảo vệ điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện tại Luật Điện lực năm 2024 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số /2026/QH16.

- Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền:

+ Dự thảo Nghị định đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và hồ chứa trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương (theo Điều 35 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP) về UBND cấp tỉnh; phân quyền quyết định danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt từ Thủ tướng Chính phủ (theo Điều 30 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP) về Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

+ Điều 25 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công thương đã phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ được giao tại Luật Điện lực cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện gồm 7 khoản để quy định chi tiết 7 nội dung Chính phủ được giao tại Luật Điện lực (khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 77, khoản 8 Điều 78).

+ Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 435/TTg-TCCV Ngày 25 tháng 4 năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc *"không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, bảo đảm chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho cac Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ.* Theo đó, toàn bộ các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện tại Luật Điện lực năm 2024 (khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75 và khoản 5 Điều 77) đều không thể sửa đổi tại văn bản pháp luật gốc là Luật Điện lực (không sửa được từ việc "giao Chính phủ quy định chi tiết" thành "giao Bộ trường Bộ Công Thương quy định chi tiết". Do đó, các nội dung Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Điều 25 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP dự kiến ban đầu sẽ sửa trong Luật Điện lực thành "Giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết" thì nay phải giữ nguyên tại Luật Điện lực "Giao Chính phủ quy định chi tiết" bao gồm: khoản 5 Điều 67; Khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 3 Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 5 Điều 77 và khoản 8 Điều 78. Chính vì vậy, dự thảo Nghị định này tiếp tục phải có các quy định nội dung được Luật giao làm căn cứ giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về: khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp, khoảng cách tối thiểu giữa cây, công trình đến đường dây dẫn điện trên không; biển báo, biển cấm, tín hiệu cảnh báo an toàn; huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện; an toàn điện trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối điện, sử dụng điện,

quy định chi tiết về kiểm định đập, hồ chứa thủy điện, nội dung kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện và các mẫu biểu báo cáo.

- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung so với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cụ thể như sau:

+ Dự thảo Nghị định đã lược bỏ một số nội dung chi tiết của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP liên quan đến khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp, khoảng cách tối thiểu giữa cây, công trình đến đường dây dẫn điện trên không; biển báo, biển cấm, tín hiệu cảnh báo an toàn; huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện; an toàn điện trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối điện, sử dụng điện; quy định chi tiết về kiểm định đập, hồ chứa thủy điện, nội dung kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện và các mẫu biểu báo cáo để giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết.

+ Sửa đổi quy định về cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực để bổ sung trách nhiệm của đơn vị điện lực đối với việc hỗ trợ người dân chặt tỉa cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

+ Bổ sung thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện phù hợp với khoản 5 Điều 76 của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2024.

+ Các Điều 20, 21, 22 liên quan đến thủ tục hành chính phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó thiên tai đã rút ngắn thời gian giải quyết từ **30 ngày** xuống còn **20 ngày**; rút gọn hồ sơ trình phê duyệt; sửa lại cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Bộ Công Thương và UBND cấp tỉnh để phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương.

+ Sửa đổi nội dung điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP để quy định rõ phạm vi xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du tại các khu vực chưa được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du, để chủ đầu tư công trình thủy điện có đủ cơ sở triển khai xây dựng và phê duyệt.

+ Bổ sung các nội dung về cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập đã được quy định tại Điều 78 Luật Điện lực để làm rõ việc cắm mốc chỉ giới bảo vệ đập thực hiện theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện chính là mốc giới bảo vệ hành lang nguồn nước theo quy định của pháp luật tài nguyên nước (nhằm tránh phát sinh thủ tục hành chính mới).

+ Sửa đổi bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, quy định bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình điện lực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

+ Sửa các trách nhiệm của UBND cấp huyện thành UBND cấp xã.

+ Sửa đổi một số cụm từ tại các điều khoản để thống nhất với các điều khoản được trích dẫn trong Nghị định.

+ Các Điều khoản tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã được lược bỏ tại dự thảo Nghị định này để giao Bộ trưởng Bộ Công Thương gồm: Điều 9. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; Điều 10. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm; Điều 11. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện; Điều 15. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; Điều 18. Biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện; Điều 20. Chế độ báo cáo về an toàn và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; Các điều từ 23 đến 29 quy định về huấn luyện, sát hạch, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện; Điều 31, Điều 32 phân cấp, phân loại công trình thủy điện.

(Nội dung chi tiết các thay đổi so với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP tại bảng so sánh thuyết minh dự thảo Nghị định kèm theo).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Đảm bảo nguồn nhân lực

Về cơ bản các nội dung tại dự thảo Nghị Định trong quá trình lấy ý các Bộ ngành, địa phương không có ý kiến đối với nguồn lực để thực hiện các quy định tại dự thảo Nghị định Theo đó, các cơ quan thuộc Bộ Công Thương, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các công tác bảo đảm hành lang an toàn lưới điện và quản lý an toàn công trình thủy điện để đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện.

2. Đảm bảo nguồn tài chính

Nguồn tài chính được bố trí từ ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đảm bảo an toàn điện khi thực hiện các công việc bảo đảm hành lang và quản lý an toàn công trình thủy điện.

3. Thời gian trình thông qua/ban hành

Dự kiến: trong tháng 10 năm 2026 (*có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành Nghị định*).

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không

VIII. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định Quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu gửi kèm theo:

1. Tờ trình Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

2. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

3. Các tài liệu khác:

- Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 của Bộ Tư pháp về báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

- Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

- Bảng đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có)

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.

4. Báo cáo số /BC-BCT ngày / /2026 của Bộ Công Thương tiếp thu, giải trình, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Bảng Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Nghị quyết số /NQ-ĐUB của Ủy ban thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương về việc thông qua nội dung dự thảo Nghị định để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PTTg TT Phạm Gia Túc (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ: TP, TC...;
- VPCP;
- Lưu: VT, ATĐ (Anhch).

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân dự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 năm 2024 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số /2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện, bao gồm: Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 2 Điều 72; Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 6 Điều 76; khoản 5 Điều 77; khoản 8 Điều 78.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hoặc được chuyển giao quyền sở hữu công trình thủy điện.

2. Công trình lưới điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động truyền tải điện, phân phối điện, hệ thống bảo vệ công trình.

3. Công trình nguồn điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát điện, hệ thống bảo vệ công trình.

4. Công trình thủy điện là công trình có nhiệm vụ phát điện, bao gồm: Đập, hồ chứa thủy điện, tuyến năng lượng, nhà máy thủy điện và các công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy điện.

5. Dây bọc là dây dẫn điện được bọc lớp cách điện có mức cách điện tối thiểu bằng điện áp pha của đường dây.

6. Điện áp cao là điện áp danh định trên 01 kV.

7. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện là tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình thủy điện giao thực hiện quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy điện.

8. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập; camera giám sát vận hành công trình và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế.

9. Hồ chứa thủy điện là hồ chứa nước sử dụng để phát điện và cho các mục tiêu khác theo chức năng, nhiệm vụ của công trình.

10. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp là khoảng cách tối thiểu từ phần tử mang điện đến điểm gần nhất của người, thiết bị, dụng cụ, phương tiện, công trình, cây, vật thể bay.

11. Khả năng xả lũ là năng lực của công trình xả cho phép xả được lũ ứng với tần suất lũ thiết kế hoặc tần suất lũ kiểm tra mà vẫn đảm bảo an toàn công trình.

12. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan đến hồ chứa thủy điện thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

13. Sự cố điện nghiêm trọng đến mức thảm họa là biến động lớn do sự cố điện trên diện rộng gây ra đe dọa hoặc làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục của ngành điện và chính quyền địa phương.

14. Trạm điện là trạm biến áp, trạm cắt, trạm bù, trạm chỉnh lưu.

15. Trạng thái võng cực đại của dây dẫn điện là trạng thái tính toán dây dẫn khi đồng thời chịu tác động khắc nghiệt nhất của các yếu tố ảnh hưởng như dòng điện qua dây dẫn, nhiệt độ môi trường xung quanh, tải trọng gió.

16. Tuyến năng lượng là tổ hợp các hạng mục từ cửa nhận nước trên hồ chứa thủy điện qua cửa van vào tua bin phát điện đến hết kênh dẫn nước ra khỏi nhà máy thủy điện.

17. Vùng hạ du đập thủy điện là vùng bị ngập lụt khi hồ chứa thủy điện thực hiện xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

18. Sơ đồ lưới điện là sơ đồ hoặc bản vẽ chỉ dùng một đường nét để thể hiện phương thức vận hành của hệ thống gồm các thành phần: nguồn điện, điểm đấu nối, thanh cái, thiết bị đóng cắt và bảo vệ chính, thiết bị biến đổi và đo lường và thông số kỹ thuật kèm theo.

19. Thiết bị bảo vệ an toàn điện là thiết bị điện có một trong các tính năng sau: chống quá dòng, ngắn mạch, chập mạch hay rò điện

Chương II

BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 3. Quy định chung về bảo vệ công trình điện lực

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị điện lực khi phát hiện hành vi trộm cắp hoặc tháo gỡ dây néo, dây tiếp địa, trang thiết bị của lưới điện, trèo lên cột điện, vào trạm điện hoặc khu vực bảo vệ an toàn công trình điện khi không có nhiệm vụ.

Việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản; trực tiếp; qua điện thoại; qua hệ thống tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương.

2. Không sử dụng công trình điện lực vào những mục đích khác khi chưa được sự thỏa thuận của đơn vị quản lý công trình điện lực.

3. Không lắp đặt ăng ten thu phát sóng, dây phơi, giàn giáo, nhà lồng, nhà lưới, biển, hộp đèn quảng cáo và các vật dụng khác tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi, văng, rung lắc gây hư hỏng, sự cố công trình điện lực.

4. Không đào đất, xả chất thải hoặc hoạt động gây sụt lún hoặc có nguy cơ gây sạt lở, lún sụt công trình lưới điện, trạm điện; không đốt nương rẫy, rác thải, vật liệu, sử dụng các phương tiện thi công gây chấn động hoặc có khả năng làm hư hỏng, sự cố công trình điện lực; không bắn, quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện, trạm điện và các công trình điện lực khác.

5. Không thực hiện nổ mìn, mở mỏ; xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất hóa học có khả năng gây ăn mòn hoặc có khả năng làm cháy, gây hư hỏng các bộ phận của công trình điện lực.

6. Vận hành phương tiện bay được cấp phép phải bảo đảm không vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực, tuân thủ phương án bay được cấp và các quy định pháp luật về quản lý hoạt động bay, trừ trường hợp phương tiện bay làm nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây.

Điều 4. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình lưới điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình lưới điện thuộc phạm vi quản lý bao gồm khu vực thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện.

2. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải có biện pháp chằng néo, gia cố mái của nhà ở, công trình phòng tránh nguy cơ bay vào đường dây dẫn điện trên không; tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình; không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần
Khoảng cách an toàn phóng điện	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

3. Trước khi xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không theo yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

4. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm các quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện và các quy định sau:

a) Trường hợp phát hiện cây phát triển vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp thì đơn vị điện lực có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu chủ sở hữu cây, người sử dụng đất thực hiện chặt tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện; Đơn vị điện lực phối hợp triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình chặt, tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm. Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo an toàn ứng phó thiên tai, đơn vị điện lực được quyền chặt tỉa ngay phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và thông báo cho chủ sở hữu cây, người sử dụng đất sau khi thực hiện.

b) Trong thời hạn tối đa 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị điện lực, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi yêu cầu bằng văn bản đến chủ sở hữu cây, người sử dụng đất thực hiện chặt tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

c) Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã theo điểm b khoản này, chủ sở hữu cây, người sử dụng đất phải hoàn thành việc thực hiện chặt tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

d) Việc chặt tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp đối với cây xanh sử dụng công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý công viên, cây xanh.

đ) Việc chặt tỉa phần cây vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp tại khu vực thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

5. Chủ sở hữu ao, hồ nơi đường dây dẫn điện trên không điện áp cao đi qua phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý vận hành cắm biển cảnh báo an toàn theo quy định. Không được câu cá hoặc cho người khác câu cá trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không hoặc khu vực có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện của đường dây dẫn điện trên không.

6. Trong phạm vi 1.000 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trung áp ra các phía xung quanh, tổ chức, cá nhân không được thả diều, phương tiện bay trừ các phương tiện phục vụ quốc phòng, an ninh và của đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực làm nhiệm vụ kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình.

7. Tổ chức, cá nhân không được đắp đất, xếp các loại vật liệu, thiết bị hoặc đổ phế thải trong hành lang an toàn bảo vệ đường dây dẫn điện trên không làm giảm khoảng cách từ dây dẫn điện trên không đến mặt đất tự nhiên hoặc vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

8. Khi tiến hành công việc gần hành lang hoặc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp không để thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh phải có sự thoả thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý vận hành về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

9. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

Điều 5. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, lắp đặt dấu hiệu cảnh báo vị trí đường cáp điện ngầm. Dấu hiệu cảnh báo phải có kích thước, thông tin và đặt ở vị trí phù hợp để tổ chức, cá nhân nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

2. Trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong vùng nước thủy nội địa không được thực hiện các hoạt động neo đậu tàu thuyền, đánh bắt cá và các hoạt động khác có nguy cơ tác động cơ học đến đường cáp điện ngầm.

3. Khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, bên thi công phải thống nhất với đơn vị quản lý vận hành lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm và an toàn trong quá trình thi công xây dựng trước khi thi công.

Trường hợp khẩn cấp để cứu người, cứu tài sản hoặc phòng chống thiên tai thì được triển khai ngay nhưng phải thông báo cho đơn vị quản lý vận hành và chính quyền địa phương trong thời hạn tối đa 02 ngày kể từ ngày triển khai.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất hợp pháp trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong đất phải có biện pháp ngăn chặn các hoạt động sử dụng đất gây tác động đến đường cáp điện ngầm, xả nước thải và các chất ăn mòn khác vào khu vực hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

5. Việc bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Chủ đầu tư đường cáp điện ngầm trên biển phải tiến hành thiết lập các tín hiệu cảnh báo, các biện pháp bảo vệ và thực hiện thông báo hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải;

b) Trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển, các tổ chức, cá nhân không được đánh bắt cá và các hoạt động tác động đến trầm tích đáy biển. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng về 02 phía của đường cáp điện ngầm, các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.

Điều 6. Bảo vệ an toàn trạm điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình trạm điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình trạm điện thuộc phạm vi quản lý.

2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu cây có trách nhiệm không để nhà ở, công trình, cây trồng trên phần đất của mình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn trạm điện.

3. Trong hành lang an toàn trạm điện không được tập trung đông người, dựng lều quán, buôn bán, để xe, buộc gia súc, để dụng cụ, vật liệu khác, trừ trường hợp kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa trạm điện.

4. Nhà ở và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không của trạm điện; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

5. Đường ra vào trạm điện có điện áp từ 110 kV trở lên phải bảo đảm cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ.

6. Mương cáp phải có nắp đậy kín, hệ thống thoát nước hoạt động tốt, đảm

bảo luôn sạch sẽ.

7. Hệ thống đèn chiếu sáng và các thiết bị điện lắp đặt tại phòng ắc quy, khu vực lưu chứa dầu, khu vực có khí nổ, khí dễ cháy, bụi nổ phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện phòng nổ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện;

Điều 7. Bảo vệ an toàn nhà máy phát điện và công trình điện lực khác

1. Yêu cầu chung về bảo vệ an toàn nhà máy phát điện và công trình điện lực khác

a) Phải được bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh phải có tường rào hoặc biện pháp bảo vệ để ngăn chặn người không có nhiệm vụ vào nhà máy phát điện, công trình điện lực khác; lắp đặt biển báo an toàn điện theo quy định pháp luật;

b) Phòng đặt trang thiết bị điện phải có biển báo khu vực nguy hiểm, đường thoát hiểm, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hệ thống thông gió làm mát thiết bị, cửa thông gió phải có lưới bảo vệ chống sự xâm nhập của các loài động vật;

c) Tùy theo đặc tính kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ của từng loại trang thiết bị điện, phải đặt lưới bảo vệ, vách ngăn và treo biển báo an toàn điện; phải bảo đảm khoảng cách an toàn từ lưới bảo vệ hoặc vách ngăn đến phần mang điện của trang thiết bị và có các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường đến hoạt động của trang thiết bị điện;

d) Hệ thống cáp điện trong nhà máy phát điện, công trình điện lực khác phải được sắp xếp trật tự theo chủng loại, tính năng kỹ thuật, cấp điện áp và được đặt trên các giá đỡ. Cáp điện đi qua khu vực có ảnh hưởng của nhiệt độ cao phải được cách nhiệt và đi trong ống bảo vệ;

đ) Hầm cáp, mương cáp phải có nắp đậy kín, thoát nước tốt, bảo quản sạch sẽ, khô ráo. Không được để xăng, dầu, hóa chất, tạp vật tích tụ trong hầm cáp, mương cáp. Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng điện áp an toàn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật điện và an toàn điện;

e) Các trang thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất trong nhà máy điện và các công trình điện lực khác phải được lắp đặt đúng thiết kế và được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện và an toàn điện.

g) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước hợp pháp trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực khi triển khai các hoạt động trong phạm vi trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình điện lực và có sự thỏa thuận với chủ công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình theo quy định.

2. Công trình điện gió phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Chủ đầu tư công trình điện gió có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió;

b) Cột tháp gió, tuabin gió phải có tín hiệu cảnh báo hàng không theo quy định pháp luật về hàng không. Cánh quạt gió phải có dấu hiệu nhận biết phù hợp;

c) Đối với công trình điện gió trên biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thiết lập, duy trì hệ thống quản lý an toàn bảo đảm kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ hoạt động của công trình điện gió trên biển và thực hiện báo hiệu hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải Việt Nam. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng của cột tháp gió, trạm biến áp, cầu dẫn cáp điện và các hạng mục phụ trợ của công trình điện gió các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực và công trình khác

1. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình điện lực, chủ đầu tư công trình xây dựng phải phối hợp với đơn vị điện lực triển khai các nội dung:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho người, công trình xây dựng;

b) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp hoặc nguy cơ gây hư hỏng công trình điện lực theo hướng dẫn của đơn vị điện lực;

c) Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình để xảy ra sự cố, tai nạn hoặc hư hỏng công trình điện lực phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự;

d) Trường hợp chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng không phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện theo điểm b khoản này thì đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thẩm quyền cấp phép xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng không phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện theo khoản 1 điều này thì đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thẩm quyền cấp phép xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng trạm sạc điện (trừ các thiết bị/trụ sạc điện được lắp đặt vào công trình, hạng mục công trình để phục vụ cho tiện ích công trình và sử dụng cho phương tiện giao thông, các phương tiện, thiết bị khác hoặc sử dụng cá nhân):

a) Chủ đầu tư xây dựng trạm sạc điện có trách nhiệm thiết kế, xây dựng, cải tạo, mở rộng trạm sạc điện đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan; bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của trạm sạc điện hoạt động an toàn; không gây sự cố, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện; không làm ảnh hưởng đến nhà ở, công trình xung quanh; tuân thủ các quy định chung về an toàn điện quy định tại Điều 12 Nghị định này;

b) Đơn vị quản lý vận hành lưới điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư cung cấp hạ tầng kỹ thuật điện an toàn cho trạm sạc điện.

4. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực có khả năng gây ảnh hưởng đến nhà ở, công trình khác thì chủ đầu tư công trình điện lực có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người, nhà ở, công trình khác xung quanh và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất khi làm hư hỏng đến nhà ở, công trình xung quanh theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Khi đơn vị điện lực khắc phục sự cố hoặc cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình điện lực mà phải triển khai trong khu vực đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì người có quyền sử dụng đất có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị điện lực tiếp cận công trình điện lực để kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố. Đơn vị điện lực có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho người sử dụng đất về kế hoạch sửa chữa, bảo trì định kỳ trước khi thực hiện tối thiểu 05 ngày;

b) Trường hợp kiểm tra, khắc phục sự cố công trình điện lực, đơn vị điện lực được phép tiếp cận ngay hiện trường để khắc phục sự cố, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho người sử dụng đất; nếu không thông báo được cho người sử dụng đất thì phải thông báo UBND cấp xã gần nhất biết để phối hợp xử lý;

c) Trong quá trình kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố quy định tại khoản này, đơn vị điện lực có trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của người sử dụng đất. Trường hợp gây thiệt hại cho người sử dụng đất thì đơn vị điện lực có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện.

7. Đường dây dẫn điện được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo đường dây dẫn điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để thỏa thuận và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đường dây dẫn điện, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an toàn điện, an toàn cho công trình hạ tầng kỹ thuật.

8. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm, trạm điện thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió

a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió theo quy định tại điểm b khoản này; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, trạm điện, đường dây dẫn điện trên không thuộc công trình điện gió thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều này;

b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp điện gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bằng hình bán cầu có tâm là chân cột tháp gió tại cost 0.0 với công trình điện gió trên đất liền hoặc điểm 0 theo mốc độ cao Hòn Dấu với các công trình điện gió trên biển, bán kính bằng chiều cao cột tháp gió cộng chiều dài cánh quạt gió.

3. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.

Điều 10. Sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Người sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực có trách nhiệm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 68 Luật Điện lực.

2. Nhà ở, công trình và các hoạt động trong hoặc gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện. Trường hợp có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất, sở hữu công trình, nhà ở phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo an toàn cho công trình điện lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực chồng lấn với hành lang bảo vệ các công trình khác, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực;

b) Trường hợp chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên, bố trí hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện;

c) Đối với công trình điện lực nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định của Luật Đê điều hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đê điều, việc phân định ranh giới quản lý và sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang bảo vệ đê điều theo quy định của pháp luật về đê điều;

d) Trường hợp công trình điện lực đi chung với đường bộ hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường bộ, công trình có sau phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình có trước. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường bộ không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực;

đ) Tại các vị trí công trình điện lực chồng lấn, giao chéo nhau, hành lang an toàn công trình điện lực được xác định theo công trình có cấp kỹ thuật cao hơn; các công trình liền kề nhau được xác định hành lang an toàn công trình theo công trình có cấp điện áp cao hơn.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực.

Điều 11. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện.

2. Nhà ở, công trình có người sinh sống và làm việc gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 500 kV trở lên phải bảo đảm cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m và các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương;

c) Nhà ở, công trình tồn tại trong hành lang nhưng chưa đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này;

4. Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm gần hành lang bảo vệ an toàn và giữa hai đường dây dẫn điện trên không điện áp 500 kV, có khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây nhỏ hơn hoặc bằng 60 m thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được lựa chọn một trong hai hình thức xử lý sau:

a) Được bồi thường, hỗ trợ để di dời như đối với nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn phải giải tỏa theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

b) Nếu không có nhu cầu di dời thì phải có văn bản đề nghị được ở lại gửi Ủy ban nhân dân các cấp nơi có nhà ở, công trình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền để đầu tư xây dựng đường dây 500 kV xây dựng sau và được bồi thường, hỗ trợ do giảm khả năng sử dụng đất như đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ để di dời như đối với nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn phải giải tỏa theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Chương III
AN TOÀN ĐIỆN

Điều 12. Quy định chung về an toàn điện

1. Chủ đầu tư công trình điện lực, đơn vị quản lý vận hành, xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình điện lực và các tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho sản xuất có trách nhiệm ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 69 Luật Điện lực, phải tuân thủ các quy định sau về an toàn điện sau:

a) Có đầy đủ nội quy, quy trình, nhật ký vận hành, hồ sơ quản lý về an toàn điện trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

b) Có đầy đủ sơ đồ lưới điện, dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo về an toàn điện theo quy định;

c) Người lao động được bố trí làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện; thí nghiệm, thử nghiệm, xây lắp, bảo trì và sửa chữa đường dây điện hoặc

thiết bị điện phải được đào tạo về nghiệp vụ, kỹ thuật phù hợp yêu cầu ngành nghề và được huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật có liên quan;

đ) Tổ chức hoặc tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về an toàn điện;

e) Thực hiện việc thống kê, báo cáo về sự cố, tai nạn điện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành trạm điện có trách nhiệm thực hiện đo, vẽ bản đồ cường độ điện trường theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện. Tại các khu vực có cường độ điện trường từ 5 kV/m trở lên phải áp dụng quy định về thời gian cho phép làm việc trong một ngày làm việc theo quy định.

Điều 13. Biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm đặt biển cấm, biển báo an toàn điện tại các trạm điện, cột điện và các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm với đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện và các quy định của pháp luật về đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

2. Tại điểm thấp nhất nơi giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không điện áp 220 kV trở lên với đường thủy nội địa, phải có báo hiệu phù hợp để các phương tiện giao thông đường thủy nhận biết được về ban đêm.

3. Trường hợp đường dây dẫn điện trên không nằm trong phạm vi vùng trời lân cận của sân bay việc sơn cột, đặt đèn báo hiệu theo quy định của pháp luật về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không.

4. Dọc theo đường cáp điện ngầm trong đất, chủ công trình phải đặt cột mốc hoặc dấu hiệu nhận biết đường cáp điện ngầm.

5. Đường cáp ngầm đặt trong nước phải có báo hiệu chỉ vị trí đường cáp. theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 14. Khắc phục sự cố điện, tai nạn điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, sự cố, tai nạn điện trong quá trình vận hành công trình điện lực.

2. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý, khắc phục, đánh giá nguyên nhân sự cố hệ thống điện theo quy định của pháp luật, cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện nghiêm trọng đến mức thảm họa thì việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền về các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 2, khoản 4 Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng điện về bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

1. Việc xây dựng, lắp đặt hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Khi ký hợp đồng mua bán điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải đăng ký đầy đủ thông tin về hệ thống điện cho bên bán điện như sau:

a) Tổng nhu cầu công suất sử dụng điện của nhà ở, công trình theo thực tế sử dụng;

b) Bảng kê các thiết bị và công suất sử dụng điện trong nhà ở, công trình;

c) Các thiết bị bảo vệ an toàn điện với hệ thống điện trong nhà ở, công trình.

3. Lắp đặt, sử dụng dây dẫn, thiết bị, dụng cụ điện sau công tơ mua điện phải bảo đảm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tuân thủ hướng dẫn, bảo quản, bảo dưỡng của nhà sản xuất. Trong quá trình sử dụng điện, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống cung cấp điện từ sau công tơ mua điện đến tất cả các dây dẫn, thiết bị điện của mình; tổ chức sửa chữa, thay thế dây dẫn, thiết bị điện không bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Khi nhu cầu sử dụng công suất tăng cao hơn so với đăng ký, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải thông báo cho bên bán điện để có phương án cấp điện phù hợp.

4. Khi xảy ra sự cố chập, cháy hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình, tổ chức, cá nhân sử dụng điện có trách nhiệm sau:

a) Cắt điện, có biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác trong nhà ở, công trình; thực hiện cứu nạn, cứu hộ;

b) Kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố hệ thống cung cấp điện;

c) Trường hợp sự cố vượt quá khả năng xử lý của mình, phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng liên quan tại địa phương, bên bán điện và các tổ chức, cá nhân xung quanh để phối hợp xử lý.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị bán điện trong việc bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

1. Khi ký hợp đồng mua bán điện và cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ phải yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về hệ thống điện trong nhà ở, công trình và nhu cầu sử dụng điện năng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện các thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và các biện pháp bảo đảm an toàn điện, cụ thể như sau:

a) Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về trách nhiệm đảm bảo an toàn của tổ chức, cá nhân sử dụng điện theo quy định của Luật Điện lực và Điều 15 Nghị định này;

b) Việc trao đổi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải được quy định trong hợp đồng mua bán điện và không giới hạn bởi các hình thức như bằng văn bản, bằng ứng dụng trực tuyến và các phương tiện thông tin khác.

2. Ứng dụng công nghệ số trong việc thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện về nguy cơ mất an toàn điện trong quá trình sử dụng điện:

a) Triển khai, cung cấp các ứng dụng công nghệ số để kịp thời gửi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện khi có sự cố trên lưới điện do đơn vị điện lực quản lý hoặc nguy cơ sự cố do bão;

b) Ứng dụng công nghệ số trong công tác xây dựng tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng điện an toàn cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

3. Định kỳ hàng năm chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về điện lực các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn.

4. Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị bán điện có trách nhiệm phối hợp kiểm tra an toàn hệ thống điện của tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn, trường hợp phát hiện có nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cung cấp điện theo quy định.

Điều 17. Huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện

1. Người trực tiếp làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, kiểm định thiết bị, dụng cụ điện, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện.

2. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định. Nội dung huấn luyện gồm huấn luyện lý thuyết và huấn luyện thực hành.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ chức năng tổ chức huấn luyện, sát hạch an toàn điện cho người lao động. Sau khi có kết quả sát hạch đạt yêu cầu, người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn điện cho người lao động.

4. Người huấn luyện, sát hạch về an toàn điện

a) Người huấn luyện, sát hạch phần lý thuyết phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác phù hợp với chuyên ngành đó;

b) Người huấn luyện, sát hạch phần thực hành có trình độ cao đẳng trở lên, thông thạo và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công việc phù hợp với chuyên ngành huấn luyện.

5. Người sử dụng lao động tiến hành cấp lại thẻ an toàn điện trong trường hợp người lao động làm mất, làm hỏng thẻ.

6. Hoạt động huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện được thực hiện lần đầu khi người lao động được tuyển dụng, định kỳ tối thiểu 02 năm một lần hoặc huấn luyện lại khi người lao động thay đổi vị trí công tác hoặc thay đổi bậc an toàn điện.

7. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung huấn luyện, tổ chức huấn luyện, sát hạch, Bậc an toàn điện, những công việc được làm theo bậc an toàn điện và Thẻ an toàn điện.

Chương IV
AN TOÀN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Điều 18. Phân loại các công trình thủy điện

1. Công trình thủy điện được phân làm 4 loại để phục vụ công tác quản lý vận hành công trình, bao gồm: Loại quan trọng đặc biệt, loại lớn, loại vừa và loại nhỏ.

2. Cấp công trình thủy điện được phân cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện và quy định pháp luật về xây dựng

3. Bộ Công Thương ban hành danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện loại lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh, thành phố trở lên;

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục công trình thủy điện trên địa bàn, trừ công trình thủy điện quy định khoản 3 này.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 19. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về điện lực, tài nguyên nước, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ đầu tư công trình thủy điện lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước lần đầu và bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện, các cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, tài nguyên nước và phòng, chống thiên tai;

3. Nội dung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình;

b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa thủy điện trong mùa lũ, mùa cạn trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp;

c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định;

d) Công tác cảnh báo khi vận hành cửa xả trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành các cửa xả; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo đóng/mở cửa xả;

đ) Vận hành hồ chứa đảm bảo quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có);

e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện, các tổ chức cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện;

g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được cấp thẩm quyền phê duyệt:

a) Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm: vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn công trình thủy điện, tài nguyên nước; ghi chép hoạt động vận hành hồ chứa thủy điện vào nhật ký vận hành dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu công trình quyết định;

b) Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm: công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn công trình thủy điện, tài nguyên nước; tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý vận hành thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp, vận hành xả lũ khẩn cấp đối với công trình thủy điện thuộc phạm vi quản lý và nhiệm vụ được giao; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

d) Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa đối với công trình thủy điện trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

đ) Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện theo thẩm quyền quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ;

e) Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.

Điều 20. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (bản chính);

b) Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này ;

c) Báo cáo thuyết minh và phụ lục kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Mặt bằng tổng thể công trình thủy điện và các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính thể hiện công trình, hạng mục công trình (đập, hồ chứa thủy điện, nhà máy, tuyến năng lượng);

đ) Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (nếu có);

e) Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

a) Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, cơ quan thẩm định lấy ý kiến tổ chức có liên quan; trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức liên quan;

c) Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

5. Cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, chủ sở hữu có trách nhiệm công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, chủ sở hữu, trụ sở đơn vị quản lý vận hành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện:

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnhbao gồm các tài liệu theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh theo trình tự tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

7. Căn cứ kết quả thẩm định tại khoản 6 Điều này, cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hoặc cho phép tiếp tục sử dụng quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được phê duyệt nhưng tối đa không quá 5 năm.

Điều 21. Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

1. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm

lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và tổ chức thực hiện phương án sau khi được phê duyệt.

2. Nội dung phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập:

Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng, công bố và bàn giao cho chủ sở hữu công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Trường hợp vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập mà chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thì, Chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập đến đập của hồ liền kề phía hạ du để phục vụ việc xây dựng kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp.

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du công trình;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo mẫu phương án tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

a) Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho chủ sở hữu công trình và thông báo bằng văn bản lý do trả hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định phương án. Trường hợp đủ điều kiện thì trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho chủ sơ hữu công trình để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

c) Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về phòng chống thiên tai, tài nguyên nước, thủy lợi cấp tỉnh ở hạ du, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du có liên quan và các tổ chức khác có liên quan;

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp:

a) Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm tài liệu theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo khoản 8 Điều này.

8. Căn cứ kết quả thẩm định tại khoản 7 Điều này, cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hoặc cho phép tiếp tục sử dụng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt nhưng tối đa không quá 5 năm.

Điều 22. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm lập, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và tổ chức thực hiện phương án sau khi được phê duyệt.

2. Nội dung phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình. chỉ giới cắm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;

b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;

c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;

d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;

đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình thủy điện, trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;

e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;

g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình thủy điện;

h) Bảo vệ, xử lý khi công trình thủy điện xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;

i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án:

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Báo cáo thuyết minh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản vẽ tổng mặt bằng công trình và các hạng mục công trình cần bảo vệ;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bảo đập, hồ chứa thủy điện.

7. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

8. Căn cứ kết quả thẩm định tại khoản 7 Điều này, cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện hoặc cho phép tiếp tục sử dụng phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đã được phê duyệt nhưng tối đa không quá 5 năm.

Điều 23. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm công trình đập, hồ chứa, tuyến năng lượng, nhà máy, trạm điện, các công trình phụ trợ khác và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Vùng phụ cận được quy định như sau:

a) Vùng phụ cận của tuyến đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m;

b) Vùng phụ cận của tuyến năng lượng:

- Trường hợp nhà máy thủy điện dạng sau đập, lòng sông, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được quy định như tại mục a khoản này.

- Trường hợp nhà máy thủy điện dạng đường dẫn hở từ cửa lấy nước đến hết kênh ra nhà máy thủy điện, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào hoặc mái đắp trở ra tối đa là 5 m.

- Trường hợp các nhà máy thủy điện dạng hầm dẫn nước có cửa lấy nước, tháp điều áp hở, đường ống áp lực hở, nhà máy thủy điện, kênh ra nhà máy thủy điện thì vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào trở ra tối đa là 5 m.

c) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa thủy điện có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ, không bao gồm phần diện tích mặt hồ;

d) Phạm vi bảo vệ đối với trạm điện, nhà máy thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

4. Công trình thủy điện khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

5. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và bảo đảm kinh phí cắm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

a) Việc cắm mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lòng hồ thủy điện phải thực hiện các yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện và không được phép xâm phạm phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

Điều 24. Phương án tích nước lần đầu

1. Trước khi phê duyệt phương án tích nước lần đầu, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật về an toàn công trình thủy điện sau:

a) Hạng mục công trình, công trình tích nước đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng;

b) Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hoàn thành đầu tư, lắp đặt thiết bị cảnh báo vận hành xả nước, camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin trực tiếp về các cơ quan quản lý về phòng chống thiên tai, công thương, tài nguyên nước;

d) Có hệ thống bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ du tuân thủ quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

đ) Hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

có liên quan.

2. Chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án tích nước lần đầu theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghi định này gửi đến Cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn trước 10 ngày kể từ ngày tích nước lần đầu.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tích nước lần đầu của chủ đầu tư. Trường hợp phát hiện phương án tích nước lần đầu do chủ đầu tư công trình thủy điện phê duyệt không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì có văn bản yêu cầu chủ đầu tư dừng triển khai việc tích nước và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Chủ sở hữu công trình thủy điện lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào khai thác;

b) Công trình thủy điện đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Tờ khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện; tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; báo cáo Bộ Công Thương.

Điều 26. Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập thủy điện có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện

a) Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình;

b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;

c) Báo cáo chủ sở hữu công trình thủy điện kết quả quan trắc.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình thủy điện

a) Trên cơ sở phân tích số liệu quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lập và thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo

dưỡng công trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

b) Định kỳ tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc và có phương án sửa chữa, thay thế kịp thời các thiết bị hỏng hoặc không bảo đảm chất lượng.

Điều 27. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho công trình đập, hồ chứa thủy điện.

2. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện phải thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

a) Đối với công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa;

b) Đối với công trình thủy điện loại lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

c) Đối với công trình thủy điện loại vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này;

d) Đối với công trình thủy điện loại nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.

4. Chế độ quan trắc

a) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa cạn; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

b) Đối với các đập, hồ chứa nước có tràn tự do: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa cạn; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

5. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của đơn vị quản lý công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng

thủy văn cho chủ sở hữu; cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương theo phạm vi quản lý của bộ; Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia trong tình huống khẩn cấp;

b) Công trình thủy điện vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ sở hữu công trình, cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập.

6. Cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản phải được gửi đến chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 28. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước vào công trình hoặc hồ chứa đạt đến mực nước dâng bình thường.

2. Kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất.

3. Kiểm định đột xuất

a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa thủy điện hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy điện;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Công Thương quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản này.

5. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả kiểm định gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

6. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết nội dung kiểm định đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 29. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị

1. Công trình thủy điện phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Công trình, hồ chứa thủy điện phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du trước mùa mưa hàng năm trong các trường hợp sau:

a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn;

b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở, bồi lấp lòng hồ chứa thủy điện.

3. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho công trình và vùng hạ du đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do.

4. Chủ sở hữu công trình thủy điện chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí bảo trì sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, lập và thực hiện quy trình bảo trì công trình, cảnh báo an toàn cho đập, hồ chứa nước và vùng hạ du.

Điều 30. Kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng công trình, hồ chứa thủy điện;

b) Trước mùa mưa hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của công trình, hồ chứa thủy điện; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp;

d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình thủy điện phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

đ) Trường hợp phát hiện công trình, hồ chứa thủy điện có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện.

2. Chế độ báo cáo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước và sau mùa mưa lũ hàng năm

a) Trước mùa mưa lũ hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời gian mùa mưa lũ hằng năm tại các khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và khí tượng thủy văn;

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Trước ngày 30 tháng 01 hằng năm, trên cơ sở báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn gửi Bộ Công Thương;

d) Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, sự cố có nguy cơ gây mất an toàn cho công trình đầu mối, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện báo cáo ngay Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn và cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa theo quy định.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa trước mùa mưa bão hàng năm quy định tại khoản 1 Điều này và mẫu báo cáo tại khoản 2 Điều này.

Điều 31. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập và vùng hạ du đập đáp ứng quy định sau:

a) Lắp đặt hệ thống còi hụ tại đập tràn và khu vực nhà máy phát điện;

b) Lắp đặt các trạm cảnh báo tại khu vực có dân cư sinh sống và các vị trí dọc hành lang sông, suối thường xuyên có hoạt động của con người phía hạ du đập thủy điện trong phạm vi tối thiểu 15 km tính từ đập xuống phía hạ du trừ trường hợp phía hạ du đập là lòng hồ chứa nước khác sẽ do chính quyền địa phương cấp xã quyết định hoặc phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương để cảnh báo qua cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin truyền thanh của các địa phương ở vùng hạ du;

c) Hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn phải được trang bị nguồn điện dự phòng để bảo đảm hoạt động tối thiểu 24 giờ sau khi mất nguồn điện chính.

2. Các trường hợp thực hiện cảnh báo và nội dung cảnh báo

a) Trường hợp cảnh báo đối với xả lũ qua đập tràn có cửa van: Mở cửa van đầu tiên; khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình; đóng hoàn toàn cửa van cuối cùng;

b) Trường hợp cảnh báo đối với đập tràn tự do: Khi nước bắt đầu hay kết thúc chảy tràn qua đập tràn;

c) Trường hợp cảnh báo đối với vận hành phát điện khi: Bắt đầu vận hành phát điện tổ máy đầu tiên; dừng hoàn toàn phát điện.

3. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập

4. Bộ Công Thương quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện và vận hành xả lũ tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin dữ liệu trực tuyến theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và cập nhận dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

b) Lắp đặt cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự để xác định được mực nước hạ lưu đập; trường hợp hạ lưu đập có trạm quan trắc khí tượng thủy văn thì được phép khai thác thông tin mực nước hạ du từ trạm quan trắc này thay cho cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

2. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.

Điều 33. Nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm bố trí nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có chuyên môn phù hợp với các yêu cầu sau:

a) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt, phải có ít nhất 03 người có trình độ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành đập, hồ chứa thủy điện 05 năm trở lên;

b) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện lớn có ít nhất 02 người có trình độ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành công trình, hồ chứa thủy điện từ 03 năm trở lên;

c) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ có ít nhất 01 người có trình độ đại học hoặc 02 người có trình độ cao đẳng thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành công trình, hồ chứa thủy điện từ 02 năm trở lên.

2. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm

tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng định kỳ kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện cho người làm công tác an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi quản lý tối thiểu 2 năm 1 lần.

3. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

a) Quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

b) Tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp;

c) Các biện pháp quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn công trình thủy điện theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung tài liệu bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 34. Trách nhiệm kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa mưa lũ hằng năm

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình thủy điện quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo Bộ Công Thương kết quả kiểm tra.

3. Cơ quan thẩm quyền kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Nội dung yêu cầu về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện

1. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm các yêu cầu về an toàn công trình thủy điện sau:

a) Tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, đất đai, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật;

b) Không được ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ đập thủy điện; có biện pháp triệt tiêu nguy cơ xâm phạm vào phạm vi bảo vệ đập, cửa nhận nước của công trình thủy điện;

c) Không gây sạt lở bờ hồ thủy điện, làm bồi lắng lòng hồ, tác động đến trầm tích đáy hồ chứa thủy điện;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện trong công

tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Cơ quan có thẩm quyền khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc cấp phép cho các dự án, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện theo quy định pháp luật có trách nhiệm xem xét yếu tố ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy điện và lấy ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu công trình thủy điện, Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quanvề tác động của dự án, hoạt động xin cấp phép đối với công trình thủy điện và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có biện pháp bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và thông báo bằng văn bản đến tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện về các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và phối hợp với các tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện trong quá trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô.

5. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện phải thực hiện các giải pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

Điều 36. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin thủy điện trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành.

2. Các thành phần cơ bản của hệ thống:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng Internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ;

b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình thủy điện; Mức nước hồ, mực nước hạ lưu sau đập; lưu lượng xả qua nhà máy; lưu lượng xả qua tràn; lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu;

c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện.

3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện:

a) Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và các pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện quyết định việc phân quyền truy cập khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

c) Cơ quan quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện không được chia sẻ, cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân của người sử dụng trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện:

a) Bộ Công Thương xây dựng hạ tầng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện; thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin điện lực; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu; bảo đảm kinh phí xây dựng, nâng cấp, vận hành của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện từ ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp, chia sẻ, cập nhật các thông tin, dữ liệu về thủy điện quy định của Nghị định này vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

c) Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cập nhật thông tin, số liệu về vận hành công trình thủy điện vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

d) Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, từng bước tích hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện cùng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước để phục vụ chung cho công tác quản lý nhà nước về thủy điện, tài nguyên nước, thủy lợi và phòng chống thiên tai.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện;

c) Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền;

d) Kiểm tra chấp hành hành pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện; phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

e) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

g) Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách cho nhiệm vụ quản lý an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng, ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng và ban hành quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện;

c) Thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo thẩm quyền quản lý;

d) Xây dựng và ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình điện lực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật về đất đai.

đ) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp công trình xây dựng lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, phạm vi bảo vệ các hạng mục xây dựng của công trình điện lực;

e) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn;

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn;

h) Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

i) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện theo thẩm quyền quản lý;

b) Chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

d) Phối hợp với cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Chủ trì, thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.

Điều 38.Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt điều chỉnh.

2. Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

3. Đối với các công trình thủy điện nhỏ có đập cao từ 5 m đến dưới 10 m hoặc có dung tích hồ chứa từ 50.000 m^3 đến dưới 500.000 m^3 đã đi vào hoạt động trước ngày có hiệu lực của Nghị định này, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trong thời gian tối đa 2 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Đối với công trình thủy điện nhỏ có đập cao dưới 5 m hoặc hồ chứa có dung tích dưới 50.000 m^3, chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm tự phê duyệt và chịu trách nhiệm về quy trình vận hành, phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và các biện pháp quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du đập phù hợp với quy định của pháp luật về điện lực và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Các tổ chức, cá nhân khi triển khai dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trước ngày có hiệu lực của Nghị định này phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại Điều 35 Nghị định này mới được phép tiếp tục hoạt động.

6. Đối với mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện, mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện đã được cắm theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chức nước:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 7; khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 10; điểm b, d khoản 2 Điều 12; khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 16; khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 17; khoản 7 Điều 18; khoản 3 Điều 25; khoản 5 Điều 29.

b) Bỏ cụm từ "Bộ Công Thương" tại điểm c khoản 4 Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Bỏ cụm từ "thủy điện, hồ chứa thủy điện" tại khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 6 Điều 17; khoản 1 Điều 25;

d) Bỏ cụm từ "Sở Công Thương báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương" tại khoản 5 Điều 13".

4. Bải bỏ Điều 25 của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này và rà soát các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định tại Nghị định này để có hiệu lực đồng thời với Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

Phụ lục I
MẪU QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN/ QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (ĐIỀU CHỈNH)

(kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	Mẫu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu 1	Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện
2	Mẫu 2	Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

Mẫu 1: Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng .... năm ....

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa cạn.

6. Trình tự thực hiện đóng, mở của van (nếu có).

7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn.

8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện.

9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện, bao gồm:

a) Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên.

b) Tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo.

c) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành cửa xả.

d) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo đóng/mở cửa xả.

10. Vận hành hồ chứa thủy điện đảm bảo quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có).

Chương II
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

1. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ.

2. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ.

3. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện.

4. Vận hành hồ chứa bảo đảm an toàn cho công trình.

5. Tích nước cuối mùa lũ.

Chương III
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

1. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa cạn.

2. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa cạn.

3. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa cạn.

4. Vận hành điều tiết lũ trong mùa cạn.

Chương IV
CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

1. Vận hành hồ chứa thủy điện khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước.

2. Vận hành hồ chứa thủy điện khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường.

3. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu Chủ sở hữu công trình thủy điện.

4. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh/các tỉnh có liên quan.

6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/các tỉnh có liên quan.

7. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. Trách nhiệm thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

Chương VI
CÁC PHỤ LỤC

1. Thông số kỹ thuật chính của công trình.

2. Số liệu và biểu đồ đặc trưng quan hệ hồ chứa (Quan hệ W-F-Z).

3. Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu đập.

4. Số liệu và biểu đồ đường quan hệ độ mở cửa van (đối với công trình có cửa van điều tiết).

5. Số liệu và biểu đồ quan hệ mực nước hồ chứa - lưu lượng xả qua tràn.

6. Biểu đồ tần suất lũ thiết kế.

7. Số liệu và biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa.

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

(Ký, đóng dấu)

Mẫu 2: Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (ĐIỀU CHỈNH)

Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng .... năm ....

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa cạn.

6. Trình tự thực hiện đóng, mở của van (nếu có).

7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn.

8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện.

9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện, bao gồm:

a) Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên.

b) Tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo.

c) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành cửa xả.

d) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo đóng/mở cửa xả.

10. Vận hành hồ chứa thủy điện đảm bảo quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có).

Chương II
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

1. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ.

2. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ.

3. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện.

4. Vận hành hồ chứa bảo đảm an toàn cho công trình.

5. Tích nước cuối mùa lũ.

Chương III
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

1. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa cạn.

2. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa cạn.

3. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa cạn.

4. Vận hành điều tiết lũ trong mùa cạn.

Chương IV
CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

1. Vận hành hồ chứa thủy điện khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước.

2. Vận hành hồ chứa thủy điện khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường.

3. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu Chủ sở hữu công trình thủy điện.

4. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh/các tỉnh có liên quan.

6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/các tỉnh có liên quan.

7. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. Trách nhiệm thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

Chương VI
CÁC PHỤ LỤC

1. Thông số kỹ thuật chính của công trình.

2. Số liệu và biểu đồ đặc trưng quan hệ hồ chứa (Quan hệ W-F-Z).

3. Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu đập.

4. Số liệu và biểu đồ đường quan hệ độ mở cửa van (đối với công trình có cửa van điều tiết).

5. Số liệu và biểu đồ quan hệ mực nước hồ chứa - lưu lượng xả qua tràn.

6. Biểu đồ tần suất lũ thiết kế.

7. Số liệu và biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa.

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

(Ký, đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP / PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP (ĐIỀU CHỈNH)

(kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	Mẫu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu 1	Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp
2	Mẫu 2	Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (điều chỉnh)

Mẫu 1: Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng ... năm ....

2. Nội dung phương án

a) Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện

- Về chủ sở hữu công trình thủy điện

+ Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

- Về tổ chức khai thác đập, hồ chứa

+ Tên tổ chức.

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Khái quát về công trình thủy điện

- Tên công trình thủy điện.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Phân loại công trình thủy điện theo quy định tại Nghị định số ……/2025/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa công trình thủy điện vào khai thác.

c) Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...), thảm thực vật lưu vực hồ chứa theo thiết kế; các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa

d) Đặc điểm vùng hạ du đập, hồ chứa

- Về địa hình.

- Về dân cư (số lượng, phân bố, khả năng tiếp cận tín hiệu cảnh báo).

- Những đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng.

- Phạm vi ngập lụt vùng hạ du theo các tình huống xả lũ, vỡ đập tại bản đồ ngập lụt vùng hạ du được phê duyệt.

đ) Sơ đồ mặt bằng đập, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du đập.

e) Các tình huống xả lũ khẩn cấp, tình huống vỡ đập và biện pháp ứng phó để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du.

g) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản.

h) Chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến cơ quan chức năng và người dân khu vực bị ảnh hưởng.

i) Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện; các cơ quan chức năng của địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

k) Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

l) Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa Chủ sở hữu công trình thủy điện; tổ chức khai thác đập, hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn công trình, hồ chứa.

3. Các tài liệu sử dụng để lập phương án

a) Báo cáo thuyết minh các tính toán kỹ thuật.

b) Các tài liệu khác liên quan

Mẫu 2: Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (điều chỉnh)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN
ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (ĐIỀU CHỈNH)

Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng ... năm ....

2. Nội dung phương án

a) Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện

- Về chủ sở hữu công trình thủy điện

+ Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

- Về tổ chức khai thác đập, hồ chứa

+ Tên tổ chức.

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Khái quát về công trình thủy điện

- Tên công trình thủy điện.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Phân loại công trình thủy điện theo quy định tại Nghị định số ……/2025/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa công trình thủy điện vào khai thác.

c) Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...), thảm thực vật lưu vực hồ chứa theo thiết kế; các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa

d) Đặc điểm vùng hạ du đập, hồ chứa

- Về địa hình.

- Về dân cư (số lượng, phân bố, khả năng tiếp cận tín hiệu cảnh báo).

- Những đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng.

- Phạm vi ngập lụt vùng hạ du theo các tình huống xả lũ, vỡ đập tại bản đồ ngập lụt vùng hạ du được phê duyệt.

đ) Sơ đồ mặt bằng đập, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du đập.

e) Các tình huống xả lũ khẩn cấp, tình huống vỡ đập và biện pháp ứng phó để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du.

g) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản.

h) Chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến cơ quan chức năng và người dân khu vực bị ảnh hưởng.

i) Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện; các cơ quan chức năng của địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

k) Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

l) Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa Chủ sở hữu công trình thủy điện; tổ chức khai thác đập, hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn công trình, hồ chứa.

3. Các tài liệu sử dụng để lập phương án

a) Báo cáo thuyết minh các tính toán kỹ thuật.

b) Các tài liệu khác liên quan

Phụ lục V

MẪU PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN / PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (ĐIỀU CHỈNH)

(kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	Mẫu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu 1	Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện
2	Mẫu 2	Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

Mẫu 1: Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN
BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng ... năm ....

2. Nội dung phương án

a) Khái quát về Chủ sở hữu công trình thủy điện và tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện

- Về chủ sở hữu công trình thủy điện

+ Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

- Về tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện

+ Tên tổ chức.

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Khái quát về công trình thủy điện

- Tên công trình thủy điện.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Phân loại công trình thủy điện theo quy định tại Nghị định số ……/2025/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa công trình thủy điện vào khai thác, sử dụng.

c) Khái quát tình hình dân cư và an ninh trật tự nơi xây dựng đập, hồ chứa.

d) Sơ đồ phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa và bố trí lực lượng bảo vệ.

đ) Nội dung bảo vệ đập, hồ chứa

- Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cắm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

- Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất.

- Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

- Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa thủy điện.

- Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa thủy điện xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

- Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tài liệu sử dụng để lập phương án

Mẫu 2: Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN
BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (ĐIỀU CHỈNH)

Tên công trình: .....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

....., tháng ... năm ....

2. Nội dung phương án

a) Khái quát về Chủ sở hữu công trình thủy điện và tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện

- Về chủ sở hữu công trình thủy điện

+ Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

- Về tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện

+ Tên tổ chức.

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Khái quát về công trình thủy điện

- Tên công trình thủy điện.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Phân loại công trình thủy điện theo quy định tại Nghị định số ……/2025/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa công trình thủy điện vào khai thác, sử dụng.

c) Khái quát tình hình dân cư và an ninh trật tự nơi xây dựng đập, hồ chứa.

d) Sơ đồ phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa và bố trí lực lượng bảo vệ.

đ) Nội dung bảo vệ đập, hồ chứa

- Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cắm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

- Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất.

- Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

- Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa thủy điện.

- Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa thủy điện xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

- Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tài liệu sử dụng để lập phương án

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC LẦN ĐẦU CỦA ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC LẦN ĐẦU CỦA ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân .....

1. Nội dung Kế hoạch

a) Khái quát về chủ đầu tư và công trình

- Về chủ đầu tư:

+ Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

+ Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

- Về công trình

+ Tên công trình/dự án.

+ Cấp công trình theo thiết kế được duyệt; Cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành..

+ Phân loại công trình thủy điện theo quy định tại Nghị định số …./2025/NĐ-CP.

+ Nhiệm vụ của công trình.

+ Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

+ Tên, địa chỉ các nhà thầu.

b) Khái quát vùng hồ chứa

- Về địa hình.

- Về dân cư, những công trình xây dựng hiện hữu có thể bị ảnh hưởng.

c) Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...) lưu vực hồ chứa theo thiết kế; các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa.

d) Tiến độ tích nước hồ chứa

- Thời điểm khởi công, thời điểm dự kiến tích nước lần đầu.

- Thời điểm kết thúc quá trình tích nước lần đầu.

đ) Trách nhiệm của chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai kế hoạch tích nước lần đầu.

e) Cam kết của chủ đầu tư xây dựng đập khi tích nước hồ chứa lần đầu.

- Thực hiện đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập trong thời gian tích nước.

- Đảm bảo tích đúng mực nước được phép. Trường hợp xả lũ ngay trong thời gian tích nước lần đầu thực hiện đúng theo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

g) Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan.

2. Đề xuất, kiến nghị

3. Các hồ sơ, tài liệu kèm theo

a) Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu các hạng mục công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Kết quả phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện của cơ quan có thẩm quyền.

c) Kết quả đầu tư, lắp đặt thiết bị cảnh báo vận hành xả nước, camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin trực tiếp về các cơ quan quản lý về phòng chống thiên tai, công thương, tài nguyên nước.

d) Thông tin về hệ thống bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ du theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

đ) Kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
AN TOÀN CÔNG TRÌNH, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……,ngày….tháng….năm……

TỜ KHAI
Đăng ký an toàn công trình thủy điện

1. Tên công trình thủy điện:

2. Địa điểm xây dựng thuộc tỉnh , xã

3. Nhiệm vụ chính: Cấp nước tưới □ Phát điện □ Cắt, giảm lũ □

Cấp nước sinh hoạt □ Cấp nước cho công nghiệp □

4. Thời gian xây dựng: Năm bắt đầu……; Năm kết thúc .....

5. Kinh phí xây dựng: .....

6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng: .....

7. Tên chủ sở hữu công trình thủy điện

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ……Fax: ……..……

Email: .....

Website: .....

8. Tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình thủy điện (có liên quan đến công tác quản lý đập):

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ……Fax: .....

Email: .....

9. Hồ chứa

a) Cấp công trình: ..... …..

b) Vị trí (xã, tỉnh): ..... ……

c) Diện tích lưu vực (Km^2): .....

d) Dung tích ứng với MNDBT (10^6m^3): .....

đ) Dung tích hữu ích (10^6m^3): ....

e) Dung tích phòng lũ (10^6m^3): .....

g) Mực nước lũ thiết kế (m): .....

h) Mực nước lũ kiểm tra (m): .....

i) Mực nước dâng bình thường (m): .....

k) Mực nước chết (m): ....

l) Mực nước lớn nhất đã xảy ra (m): ..... .

m) Mực nước thấp nhất (m): .....

10. Đập chính

a) Chiều dài đỉnh đập (m): .....

b) Chiều cao lớn nhất (m): .....

c) Cao trình đỉnh đập (m): .....

d) Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m): .....

đ) Loại đập (đập đất, đập bê tông trọng lực, đập đá đổ...): .....

e) Tình trạng chất lượng: Bình thường □ Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): .....

11. Các đập phụ

a) Chiều dài (m): .....

b) Chiều cao (m): .....

c) Cao trình đỉnh đập (m): .....

d) Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m): .....

đ) Kết cấu: .....

e) Tình trạng chất lượng: Bình thường □ Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): .....

12. Các cống lấy nước

a) Tên cống: ....

b) Vị trí (dưới đập nào?): ....

c) Lưu lượng thiết kế (Q_{tk} m^3/s):

d) Vật liệu: .....

đ) Chế độ chảy: Không áp □ Có áp □

e) Chiều dài cống (m): .....

g) Kích thước cống (m): .....

h) Cao trình đáy cống (m): .....

i) Tình trạng chất lượng: Tốt □ Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): .....

13. Tràn xả lũ

a) Tên tràn: .....

b) Vị trí: .....

c) Lưu lượng xả thiết kế ($Q_{xảtk}$ m^3/s):

d) Cao trình ngưỡng tràn (m): .....

đ) Chiều rộng tràn (m): .....

Số khoang: .....Bề rộng khoang tràn: .....

e) Kết cấu: .....

g) Hình thức: .....

h) Hình thức tiêu năng: .....

i) Hình thức đóng mở: .....

k) Tình trạng chất lượng: Tốt □ Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): .....

14. Công trình tháo nước khác

a) Tên công trình: .....

b) Lưu lượng thiết kế (Q_{tk} m^3/s): .....

c) Kết cấu: .....

d) Chế độ chảy: Không áp □ Có áp □

đ) Chiều dài (m): .....

e) Kích thước (m): .....

g) Cao trình ngưỡng (m): .....

h) Tình trạng chất lượng: Bình thường □ Hư hỏng □

Mô tả hư hỏng (nếu có): .....

15. Đường quản lý: Có □ không có □

a) Chiều dài: .....(m)

b) Mặt đường: Đất □ Cấp phối □ Nhựa, bê tông □

c) Chất lượng đường: Tốt □ Xấu□ Bình thường □

16. Các loại quan trắc

a) Quan trắc công trình

Quan trắc thấm □ Quan trắc chuyển vị □ Ứng suất □

b) Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

Đo mưa Tự động □ Thủ công □

Số lượng trạm: .....

Mô tả hiện trạng: .....

Đo mực nước: Tự động □ Thủ công □

Số lượng trạm: .....

Mô tả hiện trạng: .....

17. Hệ thống giám sát vận hành

Có □ Không □

Mô tả hiện trạng: .....

18. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện

Có □ Không □

Mô tả hiện trạng: .....

19. Quy trình vận hành Có □ Không□

a) Năm phê duyệt:

b) Năm điều chỉnh:

20. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa Có □ Không □

a) Năm phê duyệt: .....

b) Năm điều chỉnh: .....

21. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

Có □ Không □

22. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Có □ Không □

a) Năm phê duyệt: .....

b) Năm điều chỉnh: .....

23. Phương án ứng phó thiên tai

Có □ Không □

a) Năm phê duyệt: .....

b) Năm điều chỉnh: .....

24. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Số lần kiểm định: .....

b) Năm thực hiện: .....

25. Lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa thủy điện:

Đầy đủ □ Không đầy đủ □ Không có □

26. Thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập:

Có □ Không có □

27. Quy trình vận hành cửa van, quy trình bảo trì công trình

a) Quy trình vận hành cửa van

Có □ Không có □

b) Quy trình bảo trì công trình

Có □ Không có □

28. Nhà máy thủy điện

a) Công suất lắp máy:

b) Số tổ máy:

c) Hình thức khai thác: (đường hầm, đường ống, kết hợp…)

d) Lưu lượng nước phát điện thiết kế của nhà máy

e) Cột nước tính toán (lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình).

29. Quá trình quản lý khai thác

Tóm tắt các sự cố lớn, nội dung sửa chữa nâng cấp đã được thực hiện, năm thực hiện.

30. Đánh giá chung về an toàn công trình

a) Đánh giá chung

b) Đề nghị

Ngày……tháng…..năm…..
(Tổ chức, cá nhân khai khác đập
ký tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-BCT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tiến hành Tổng kết việc thi hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước liên quan đến các chính sách của Luật

1.1. Ngay sau khi Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực có hiệu lực, một loại các hoạt động thay đổi về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả được triển khai thực hiện, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; và Kế hoạch số 141/KH-BCCĐTKNQ18 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ. *Trong đó kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sáp nhập với Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường; giải tán UBQLVNN tại doanh nghiệp, các tập đoàn năng lượng 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban được điều chuyển về Bộ Tài chính quản lý.*

Đồng thời, ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sau khi sắp xếp kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 28 tỉnh và 06 thành phố.

- Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, ngày 12 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 60-NQ-TW Hội nghị lần thứ 11 Ban hành hành Trung ương Đảng khóa XIII quyết nghị: "*Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc, tỉnh, thành phố) kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Hiến pháp*

năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành". Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện dẫn đến một loại các quy định có liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện tại các văn bản quy phạm pháp luật về điện lực không còn.

1.2. Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

Nội dung của Nghị quyết số 70-NQ/TW đã đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, đặt ra các quan điểm chỉ đạo trong giai đoạn tới đối với ngành năng lượng (trong đó có năng lượng điện); các quan điểm chỉ đạo được đặt ra tại Nghị quyết như sau:

"*1. Đảng lãnh đạo toàn diện; Nhà nước kiến tạo thể chế, chính sách đột phá và kiểm soát hạ tầng năng lượng chiến lược; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể phát triển năng lượng quốc gia, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, khu vực tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất,... Quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia phải được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tập trung, thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, hiệu quả*

2. Phát triển năng lượng phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ***gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và linh hoạt trong thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng, không bù chéo giữa các nhóm khách hàng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng; bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong phát triển các dự án năng lượng***"

*3. Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng****; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch;*** *khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước, chú trọng bình ổn, điều tiết và bảo đảm dự trữ năng lượng quốc gia; phát triển điện hạt nhân, điện khí;* ***có lộ trình giảm tỉ trọng điện than một cách hợp lý.*** *Cơ cấu tối ưu hệ thống năng lượng quốc gia, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của từng vùng và địa phương.*

4. Khuyến khích đầu tư và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng, coi đây vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của toàn xã hội; khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ngành năng lượng; từng bước làm chủ công nghệ

hiện đại, công nghệ năng lượng nguyên tử, tiến tới tự chủ sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu cả về công nghệ và thiết bị."

Nghị quyết số 70-NQ/TW cũng đặt ra các mục tiêu tổng quát và cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời đặt ra 07 nhiệm vụ giải pháp chủ yếu để thực hiện; bao gồm:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong bảo đảm an ninh năng lượng.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng.

- Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng.

- Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải; thiết lập các biện pháp quản trị và ứng phó với rủi ro.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng.

- Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Trong đó các giải pháp tại mục III.3 về phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, trong đó có nội dung cụ thể về năng lượng điện như sau:

- Về điện: Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành điện, tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch và bền vững. Phát triển cân đối, hợp lý giữa các nguồn điện, bảo đảm yêu cầu cao nhất là đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, từng bước thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải. Phát triển nguồn điện cân đối hợp lý theo lợi thế vùng, miền, địa phương hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng, giảm tối đa tổn thất truyền tải. Ưu tiên phát triển các dự án nguồn điện có công suất lớn, hiệu quả cao, thân thiện môi trường. Có phương án mở rộng, khai thác hiệu quả công suất các nhà máy điện, dự án nguồn điện hiện có theo hướng chọn lọc, ưu tiên các nhà máy có tiềm năng, hoạt động hiệu quả. Chủ động phương án xuất, nhập nguồn điện tại những địa điểm và thời điểm phù hợp, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và hiệu quả kinh tế.

Thực hiện hiệu quả các Chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải; giảm cường độ tiêu thụ và tổn thất điện năng bảo đảm cạnh tranh so với các quốc gia có cùng trình độ phát triển. Hiện đại hóa hệ thống điều độ điện, áp dụng công nghệ giám sát, điều khiển kỹ thuật tự động, thông minh; bên cạnh truyền tải điện xoay chiều, nghiên cứu ứng dụng truyền tải siêu cao áp, một chiều, truyền tải ngầm dưới biển.

***- Đối với thủy điện:** Phát huy, mở rộng tối đa công suất của các nhà máy hiện có. Tiếp tục phát triển có chọn lọc một số thủy điện nhỏ và vừa, đẩy nhanh tiến độ*

các dự án thủy điện tích năng. Tăng cường hợp tác phát triển thủy điện với các nước gắn với nhập khẩu điện dài hạn từ nước ngoài....”

1.3. Ngoài ra, trong giai đoạn này Quốc hội cũng thông qua một loại các Luật, nghị quyết; trong đó có các văn bản liên quan đến điện lực hoặc làm tiền đề triển khai xây dựng VBQPPL để xử lý khó khăn vướng mắc do quy định của pháp luật, gồm:

- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025; trong đó có sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 10 Điều 5 của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

“*a) Phát triển điện hạt nhân được xác định là một cấu phần chiến lược trong phát triển điện lực quốc gia để bảo đảm mục tiêu an ninh cung cấp điện;*”.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 về cơ chế đặc biệt, xử lý khó khăn vướng mắc do quy định của pháp luật;

- Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 về các cơ chế, chính sách để phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 – 2030;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Các luật liên quan khác như Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, Luật Xây dựng số 135/2025/QH15,...

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Sau hơn 18 tháng kể từ ngày Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Bộ Công Thương đã nhận được nhiều ý kiến về những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các địa phương Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Gia Lai, Quảng Ngãi.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị định 146/2025/NĐ-CP không quy định cụ thể thuộc thẩm quyền của tỉnh nào phê duyệt, dẫn đến những vướng mắc trong việc thực thi tại địa phương. Do đó, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần có những sửa đổi, bổ sung để làm rõ thẩm quyền phê duyệt của các địa phương.

- Quá trình triển khai Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn như: quy định về hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình điện lực; trách nhiệm chặt tỉa cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; quy định về xử lý sự cố, tai nạn điện; quy định về thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương

án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa lũ hằng năm...

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) là rất cần thiết để thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng, phù hợp, thống nhất giữa các quy định pháp luật, phù hợp với các nội dung đã được phân cấp và sửa đổi tại Luật số .... 2026/QH16 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Điện lực năm 2024 là rất cần thiết

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

Ngay sau khi Nghị định số 62/2025/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương đã ban hành công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện để chỉ đạo việc triển khai và tổ chức thi hành Nghị định, gồm:

- Quyết định số 628/QĐ-BCT ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện, điện thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 2866/QĐ-BCT ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính tại Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Về phía Bộ Công Thương đã triển khai chỉ đạo và tổ chức thi hành Luật Điện lực như sau:

1.1. Kết quả công tác xây dựng các VBQPPL quy định chi tiết các nội dung của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

Tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2026, Bộ Công Thương đã xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 02 VBQPPL; trong đó có 03 Thông tư của Bộ Công Thương, 01 Quyết định hành chính (bao gồm 02 thông tư quy định về an toàn điện và thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện

Ngoài ra thực hiện Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Tại Nghị định này, Chính phủ đã giành các Điều 25 để phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Điện lực năm 2024 về Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện; giành Điều

26 để phân quyền nhiệm vụ quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP về các Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện.

Chi tiết các VBQPPL Phụ lục 1 đính kèm

Tại địa phương, căn cứ các báo cáo địa phương gửi về, có 11 tỉnh có ban hành VBQPPL quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh (tỉnh Cà Mau, Lạng Sơn, Hải Phòng, An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Hà Nội, Quảng Ngãi, Vĩnh Long, Hưng Yên, Quảng Ninh).

1.2. Kết quả hợp nhất VBQPPL

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP nội dung mới, cơ quan biên soạn không tiến hành hợp nhất.

1.3. Kết quả công tác thông tin, tuyên truyền, PBGD pháp luật về điện lực

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3703/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Công Thương năm 2025 trong đó có nội dung về phổ biến Luật Điện lực và các VBQPPL quy định chi tiết các nội dung của Luật. (bao gồm Nghị định số 62/2025/NĐ-CP)

Đến ngày 31 tháng 7 năm 2026, đối với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã tổ chức phổ biến, giáo dục với 04 Hội nghị tại 03 miền bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã tổ chức 06 khóa đào tạo/hội nghị để phổ biến các kiến thức pháp luật về điện lực theo đơn đặt hàng của các tổ chức quan tâm với tổng số người tham dự là 1000, trong đó có 850 người đến từ đơn vị điện lực; 02 khóa hội nghị bồi huấn kiến thức pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện với sự tham gia của gần 300 người đến từ các chủ sở hữu công trình thủy điện, đơn vị quản lý vận hành đập, hồ chứa thủy điện, cơ quan quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại địa phương.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL về điện lực

Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL về điện lực được Bộ Công Thương triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả rà soát và xử lý văn bản:

- Bộ Công Thương đã có Công văn gửi Bộ Tư pháp đề nghị có ý kiến về phướng án đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về vướng mắc trong lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện (trích dẫn không chính xác, sửa đổi thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên); trong đó đã xử lý trích dẫn không chính xác bằng Quyết định hành chính của Bộ trưởng Bộ Công Thương và thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập chỉnh sửa tại dự thảo Luật sửa đổi Luật Điện lực năm 2024.

- Bộ Công Thương hiện nay cũng đang triển khai xây dựng 2 thông tư quy định chi tiết các nội dung của Luật, Nghị định; dự kiến hoàn thành tháng 10 năm 2026, ngay sau khi dự thảo Nghị định này được ban hành.

2. Kết quả thi hành VBQPPL, đánh giá ưu điểm, nhược điểm bất cập, hạn chế của Nghị định

2.1. Về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Sau khi Luật Điện lực ra đời năm 2024 và hệ thống các văn bản dưới luật (trong đó có Nghị định 62/2025/NĐ-CP) đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Trên cơ sở đó, khẳng định được vai trò của việc bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, ứng phó rủi ro, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống cho nhân dân, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Bên cạnh những tác động tích cực, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP có một số bất cập, hạn chế khi áp dụng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bao gồm sự chưa rõ ràng về phân cấp trách nhiệm giữa trung ương và địa phương gây khó khăn trong phối hợp và thực hiện việc bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Việc phân cấp quản lý chuyên môn cao là thách thức so với năng lực và điều kiện thực tế của địa phương, dẫn đến khó khăn trong quản lý, giám sát và xử lý vi phạm, như sau:

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, trong đó một số nhiệm vụ tại Luật Điện lực và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP được Chính phủ phân cấp, phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện bao gồm việc quy định chi tiết các nội dung: Về phân loại, phân cấp công trình thủy điện quy định tại khoản 7 Điều 75 [1] Luật Điện lực; An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành quy định tại khoản 5 Điều 77 [2] Luật Điện lực; Về phạm vi bảo vệ công trình thủy điện quy định tại khoản 8 Điều 78 [3] Luật Điện lực năm 2024; Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục công trình thủy điện quan trọng đặc biệt quy định tại điểm a khoản 5 Điều 30 [4] Nghị định số 62/2025/NĐ-CP do Bộ Công Thương thực hiện; Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên quy định tại điểm a khoản 5 Điều 76 [5] Luật Điện lực năm 2024, điểm a khoản 4 và khoản 7 Điều 35 [6] Nghị định số

---

[1] Khoản 7 Điều 75. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều này.

[2] Khoản 5 Điều 77. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

[3] Khoản 8 Điều 78. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 5 Điều này.

[4] Khoản 5 Điều 30. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có công trình thủy điện trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục công trình thủy điện quan trọng đặc biệt.

[5] Điểm a khoản 5 Điều 76. Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

[6] Điểm a khoản 4 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương; Khoản 7 Điều 35 Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

62/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 139/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (Nghị định số 139/2025/NĐ-CP), trong đó đã phân định thẩm quyền trong lĩnh vực an toàn điện lực do Ủy ban nhân dân các cấp cụ thể như sau: Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 [7] Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nghị định số 131/2025/NĐ-CP), trong đó đã phân định thẩm quyền trong lĩnh vực an toàn điện lực do Ủy ban nhân dân cấp cụ thể như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới trên địa bàn xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Đồng thời, ngày 19 tháng 6 năm 2025, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 38/2025/TT-BCT về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, trong đó Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên quy định tại điểm a khoản 5 Điều 76, khoản 2 Điều 77 Luật Điện lực.

- Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toan trong lĩnh vực điện lực. Về nội dung, Chính phủ giao Bộ Công Thương: Quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện và vận hành xả lũ đối với công trình thủy điện tại khoản 4 Điều 44; Xây dựng quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện theo khoản 5 Điều 50.

3. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Nghị định và nguyên nhân

Sau hơn 18 tháng kể từ ngày Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Bộ Công Thương đã nhận được nhiều ý kiến về những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các địa phương Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Gia Lai, Quảng Ngãi.

---

[7] Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc một huyện;

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị định 146/2025/NĐ-CP không quy định cụ thể thuộc thẩm quyền của tỉnh nào phê duyệt, dẫn đến những vướng mắc trong việc thực thi tại địa phương. Do đó, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần có những sửa đổi, bổ sung để làm rõ thẩm quyền phê duyệt của các địa phương.

- Quá trình triển khai Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn như: quy định về hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình điện lực; trách nhiệm chặt tỉa cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; quy định về xử lý sự cố, tai nạn điện; quy định về thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa lũ hằng năm...

- Đối với sửa đổi, bổ sung thẩm quyền theo phân quyền, phân cấp của Quốc hội (Luật), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi thực hiện Chính quyền địa phương 2 cấp, nội dung này đã được sửa đổi tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2024 (Về thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên).

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã xuất hiện những vướng mắc như:

- Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền:

+ Dự thảo Nghị định đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và hồ chứa trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương (theo Điều 35 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP) về UBND cấp tỉnh; phân quyền quyết định danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt từ Thủ tướng Chính phủ (theo Điều 30 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP) về Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

+ Điều 25 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công thương đã phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ được giao tại Luật Điện lực cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện gồm 7 khoản để quy định chi tiết 7 nội dung Chính phủ được giao tại Luật Điện lực (khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 77, khoản 8 Điều 78).

+ Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 435/TTg-TCCV Ngày 25 tháng 4 năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc *"không phân quyền trực tiếp cho các Bộ*

trưởng tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, bảo đảm chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho cac Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ. Theo đó, toàn bộ các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện tại Luật Điện lực năm 2024 (khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75 và khoản 5 Điều 77) đều không thể sửa đổi tại văn bản pháp luật gốc là Luật Điện lực (không sửa được từ việc "giao Chính phủ quy định chi tiết" thành "giao Bộ trường Bộ Công Thương quy định chi tiết". Do đó, Dự thảo Nghị định đã phải giữa lại cơ bản các nội dung theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP và chỉ sửa các nội dung tại từng điều khoản để giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung mang tính kỹ thuật như: khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp, khoảng cách tối thiểu giữa cây, công trình đến đường dây dẫn điện trên không; biển báo, biển cấm, tín hiệu cảnh báo an toàn; huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện; an toàn điện trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối điện, sử dụng điện, quy định chi tiết về kiểm định đập, hồ chứa thủy điện, nội dung kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện và các mẫu biểu báo cáo.

- Về xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đối với công trình thủy điện: Theo quy định pháp luật về thủy lợi và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP thì đối với lưu vực sông có nhiều thủy điện bậc thang thì trách nhiệm xây dựng, phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Đây là cơ sở để các công trình thủy điện xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên nhiều lưu vực sông chưa được cơ quan thẩm phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du khiến các đơn vị thủy điện không đủ cơ sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp. Chính vì vậy, Điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã bổ sung nội dung cho phép chủ đầu tư tự xây dựng bản đồ ngập lụt tại các khu vực chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn xảy ra vướng mắc, theo phản ánh một số đơn vị thủy điện đã chủ động xây dựng bản đồ ngập lụt để đưa vào phương án ứng phó tình huống khẩn cấp nhưng cấp thẩm quyền thẩm định đánh giá không có đủ cơ sở pháp lý để phê duyệt nội dung liên quan đến bản đồ ngập lụt, một số trường hợp thủy điện bậc thang do khu vực hạ du rất rộng đơn vị không đủ nguồn lực và khả năng để xây dựng bản đồ ngập lụt chung có nhiều thủy điện bậc dưới và phần chi phí phát sinh cũng không thể hạch toán hợp lý nếu không được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Do đó, Dự thảo Nghị định đã phải sửa đổi lại nội dung tại khoản này để đảm bảo tính khả thi cho các đơn vị triển khai.

- Về cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và cắm mốc phạm vi bảo vệ đập thủy điện theo quy định của pháp luật về điện lực đang có sự giao thoa Vì vậy, nội dung cần bổ sung sửa đổi để thống nhất giữa mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa và mốc giới bảo vệ hành lang nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện thống nhất thực hiện theo Luật Tài nguyên nước.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng kết thi hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP và tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Công Thương kiến nghị xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực để xử lý các vướng mắc, khó khăn và các phát sinh mới trong thực tiễn cần được sửa đổi, bổ sung để đủ cơ sở pháp lý thực hiện.

Ngoài ra, qua quá trình triển khai thi hành Nghị định và thực hiện tổng kết thi hành Nghị định, một số kiến nghị của địa phương và doanh nghiệp đã được Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn; một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định đã được Bộ Công Thương tiếp thu (chi tiết các nội dung góp ý sửa đổi Nghị định tại dự thảo Nghị định đính kèm báo cáo này).

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. Bộ Công Thương kính báo cáo Chính phủ./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Thanh Hoài

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Lưu: VT, ĐL.

Phụ lục

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC SỐ 61/2025/QH15 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2025/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCT ngày tháng năm 2025)

STT	Tên, loại VBQPPL	Ngày có hiệu lực
I	**Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương**	
1.	Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực	01/02/2025
2.	Thông tư số 41/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện	08/8/2025
3.	Thông tư số 59/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện	01/6/2026
II	**Quyết định hành chính**	
1	Quyết định số 2940/QĐ-BCT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc đính chính Thông tư số 41/2025/TT-BCT (hiệu lực thi hành của QCVN 25:2025/BCT được ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BCT)	